TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 48/2025/DS-ST
Ngày: 31/7/2025
V/v: "Tranh chấp HĐMBHH"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: **Bà Phạm Thị Thu Huyền.**
Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Nguyễn Hữu Đệ.**
2. Bà Hoàng Thị An.

- ***Thư ký phiên toà:*** **Bà Hoàng Thu Thảo -** Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 7 - HN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - HN tham gia phiên tòa: **Ông Nguyễn Xuân Luân -** Kiểm sát viên.

Ngày 31/7/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 7 - HN xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số 360/2024/TLST-DS ngày 04/11/2024 về việc *"Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐST-DS ngày 11/7/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/QĐST-DS ngày 22/7/2025. Giữa:

1. <u>Nguyên đơn</u>: **Công ty trách nhiệm hữu hạn C Việt Nam.**
(Sau đây gọi tắt là Công ty C)

Trụ sở: Lô **, KCN BH*, phường LB, thành phố BH, tỉnh ĐN – Nay là: Lô ***, *KCN BH*, phường LB, tỉnh ĐN.
Người đại diện theo pháp luật: ***Ông Phạm Đức T*** – Tổng Giám đốc.
Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:
- Bà Phạm Thanh Dạ Q, sinh năm 1991.
- Bà Nguyễn Minh T, sinh năm 1997.
- Ông Phùng Thanh O, sinh năm 1984.
(Theo Giấy ủy quyền số 004/2024/GUQ-C ngày 29/7/2024).
Ông O, bà Q có mặt tại phiên tòa.
Bà T vắng mặt tại phiên toà.

2. <u>Bị đơn</u>: **Ông Nguyễn Tiến H**, sinh năm 1995.

Bà Hoàng Thị Hương G, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Thôn DN, xã ML, huyện ĐA, Thành phố HN – Nay là: Thôn DN, xã ĐA, Thành phố HN.

Ông H có mặt tại phiên tòa.

Bà G vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện uỷ quyền của nguyên đơn trình bày**:

Ngày 20/01/2022 Công ty C và vợ chồng ông Nguyễn Tiến H, bà Hoàng Thị Hương G đã ký Hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi thủy sản, gia cầm và gia súc số 243095/HĐ - 200122. Theo đó:

Khi ông H, bà G có nhu cầu mua cám loại nào thì ông H hoặc bà G là người liên hệ với Công ty C để đặt hàng. Công ty C sẽ báo lại cho ông H hoặc bà G giá từng sản phẩm và tổng giá trị đơn hàng. Tùy theo tình hình tài chính từng lần đặt hàng, ông H hoặc bà G có thể thanh toán toàn bộ giá trị đơn hàng hoặc nợ lại một phần.

Với từng lần mua hàng, Công ty C sẽ giao đầy đủ lượng hàng hóa khách hàng đã đặt hàng và xuất hóa đơn giá trị gia tăng. Khách hàng có nghĩa vụ thanh toán tiền hàng trong vòng 60 ngày, kể từ ngày xuất hóa đơn. Hiện nay, ông H không còn lấy cám của Công ty C nữa nhưng vẫn còn công nợ tồn đọng phải thanh toán.

Từ thời điểm bắt đầu hợp tác đến ngày 24/8/2022, ông H đều thanh toán đầy đủ. Tuy nhiên ngày 24/8/2022 tại hóa đơn số 669029, ông H bắt đầu chậm thanh toán. Cụ thể, số tiền trên hóa đơn phải thanh toán ngày 24/8/2022 là 114.511.349 đồng, nhưng ông H chưa thanh toán hết mà còn nợ lại số tiền 82.999.002 đồng. Đến ngày 31/3/2023 ông H đã thanh toán số tiền 50.000.000 đồng, theo nguyên tắc có lợi cho khách hàng nên Công ty C đã đối trừ vào hoá đơn xa nhất. Như vậy sau khi đối trừ tiếp thì hoá đơn số 669029 ông H chỉ còn nợ lại số tiền là 32.999.002 đồng. Và từ đó trở đi là ông H không thanh toán thêm bất kỳ hóa đơn nào nữa.

Chi tiết công nợ kèm theo các hóa đơn, quá trình mua bán chúng tôi đã gửi danh sách kèm theo.

Nhân viên Công ty C đã nhiều lần liên hệ gặp trực tiếp ông H, bà G để yêu cầu thanh toán số tiền hàng còn nợ nhưng không được, đến nay ông H, bà G không thanh toán bất kỳ khoản nào.

Trong buổi làm việc gần nhất vào ngày 04/12/2023, đại diện Công ty C đã gặp ông T là bố đẻ của ông H, ông T là người trực tiếp chăn nuôi tại trang trại.

Sau khi đại diện Công ty C thông báo số tiền công nợ còn lại ông T cũng thừa nhận còn nợ Công ty C tiền hàng chưa thanh toán nhưng ông T không ký vào biên bản vì ông T không phải là người đứng tên trên hợp đồng. Công ty C đã nhiều lần nỗ lực tìm gặp và liên hệ với ông H, bà G nhưng không được. Do vậy buộc Công ty C phải khởi kiện đến Toà án.

Tính đến hết ngày 31/12/2023 Công ty C vẫn ghi nhận số tiền ông H, bà G còn nợ là: 3.348.463.841 đồng *(Ba tỷ, ba trăm bốn mươi tám triệu, bốn trăm sáu mươi ba nghìn, tám trăm bốn mươi mốt đồng).*

Do vậy Công ty C đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề sau:

Buộc ông H, bà G phải trả cho Công ty C tổng số tiền mua cám chưa thanh toán tính đến hết ngày 31/12/2023 là: 3.348.463.841 đồng *(Ba tỷ, ba trăm bốn mươi tám triệu, bốn trăm sáu mươi ba nghìn, tám trăm bốn mươi mốt đồng)*. Công ty C không yêu cầu tính lãi, không yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi phát sinh đến khi vụ án được giải quyết bằng bản án/quyết định có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp ông H, bà G đồng ý hòa giải thì Công ty C đồng ý rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc là 348.463.841 đồng cho ông H, bà G.

*** Bị đơn – Ông Nguyễn Tiến H trình bày:**

Ông xác nhận vợ chồng ông có ký Hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi thủy sản, gia cầm và gia súc số 243095/HĐ – 200122 ngày 20/1/2022 với Công ty C.

Sau khi ký hợp đồng thì gia đình ông có mua cám của Công ty C một thời gian và có nợ lại Công ty một số tiền. Với từng lần mua hàng theo danh sách các hóa đơn do bên Công ty C cung cấp ông sẽ về kiểm tra và đối chiếu lại sau.

Tuy nhiên quá trình sử dụng cám của Công ty C thì không đạt được kết quả như mong muốn, cụ thể là giá thành của công ty cao hơn so với các loại cám khác, số lượng cho ăn nhiều hơn nhưng kết quả không đạt được như mong muốn. Sau đó một thời gian thì trang trại bị dịch tả lợn Châu Phi chết hết đàn lợn nên dẫn đến kinh tế khó khăn. Về những tài liệu chứng cứ chứng minh về việc này ông sẽ giao nộp cho Tòa án sau.

Về chi tiết công nợ ông sẽ kiểm tra và đối chiếu lại và có ý kiến sau.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty C thì ông có ý kiến như sau: Ông đồng ý thanh toán cho Công ty C số tiền còn nợ sau khi ông đã rà soát đối chiếu lại, tuy nhiên ông đề nghị Công ty C xem xét về điều kiện và hoàn cảnh của gia đình để giảm bớt số tiền còn nợ cho ông.

*** Bị đơn – Bà Hoàng Thị Hương G:**

Bà Hoàng Thị Hương G đã được triệu tập hợp lệ đến Tòa án tiến hành lấy lời khai và giao nộp chứng cứ. Bà G đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn cố tình không đến Tòa án và không giao nộp tài liệu chứng cứ gì cho Tòa án. Tòa án đã tiến hành đến nhà lấy lời khai nhưng bà G đều vắng nhà nên không lấy được lời khai, do vậy nên không có lời khai của bà G.

Tại phiên tòa:

*** Đại diện theo ủy quyền của Công ty C trình bày:**

Công ty C vẫn giữ nguyên quan điểm như đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông H, bà G đã đặt hàng tại Công ty C nhiều lần, hàng hoá là cám để chăn nuôi lợn tại xóm H, xã MĐ, huyện PY, tỉnh TN. Cụ thể lượng hàng do phía người mua hàng đặt theo từng đơn hàng cụ thể. Phía Công ty C đã giao đầy đủ lượng hàng hoá khách đặt và xuất hoá đơn giá trị gia tăng theo từng lần mua hàng, do ông H và bà G là khách hàng lâu năm và uy tín nên Công ty C đã quy định khách hàng có nghĩa vụ thanh toán tiền trong thời hạn là 60 ngày kể từ ngày xuất hoá đơn. Ông H và bà G đã thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán tiền hàng đầy đủ từ khi ký hợp đồng cho đến ngày 24/8/2022, từ hoá đơn số 669029 ông H và bà G đã không thanh toán đủ tiền hàng cho Công ty C. Từ ngày 31/8/2022 ông H và bà G đã không thanh toán bất kỳ một hoá đơn nào nữa và đã chấm dứt hợp tác với Công ty C.

Ngày 31/3/2023 ông H đã trả 50.000.000 đồng, theo nguyên tắc có lợi cho khách hàng nên Công ty C đã đối trừ vào hoá đơn xa nhất là hoá đơn theo phiếu xuất kho số 669029 ngày 25/6/2022, ngày đến hạn thanh toán là ngày 24/8/2022. Số tiền chậm trả của hoá đơn này là 82.999.022 đồng, sau khi được đối trừ 50.000.000 đồng thì hoá đơn theo phiếu xuất kho số 669029 còn nợ lại là 32.999.022 đồng.

Công ty đã nhiều lần làm việc yêu cầu ông H và bà G thanh toán khoản tiền còn nợ, ông H và bà G đều thừa nhận các khoản nợ tại Công ty C, nhưng ông H và bà G không thanh toán.

Để hỗ trợ và chia sẻ một phần thiệt hại cho khách hàng nên Công ty C đã không tính khoản tiền lãi trên toàn bộ số tiền nợ gốc đối với ông H và bà G từ thời điểm đó cho đến nay.

Về vấn đề chiết khấu của Công ty C được thực hiện theo chính sách của Công ty C tại từng thời điểm khác nhau, không tính theo từng hợp đồng cụ thể hay số lượng hàng khách hàng đặt. Quy định của Công ty C là khách hàng phải hợp tác với Công ty đủ thời gian 1 năm thì sẽ được hưởng chiết khấu 1% trên tổng giá trị hàng hoá đặt trong năm đó. Do năm 2022 ông H đã dừng hợp tác với

Công ty từ ngày 31/8/2022 nên không được hưởng chính sách chiết khấu của Công ty C. Những năm trước ông H và bà G hợp tác đều đặn với Công ty và vẫn đều được hưởng chính sách chiết khấu của Công ty C.

Do hồ sơ đã lâu, khối lượng khách hàng lớn nên Công ty C bị thất lạc hồ sơ, không cung cấp được phiếu xuất kho tương ứng của hóa đơn số 670230 ngày 12/7/2022 với số tiền là 107.438.617 đồng, đồng thời Công ty C tự nguyện hỗ trợ cho ông H và bà G số tiền thuế thu nhập cá nhân là 1.209.470 đồng theo số hóa đơn 673842 ngày 09/8/2022 và số hóa đơn 390602 ngày 09/8/2022. Do đó Công ty C xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với 2 khoản tiền trên.

Đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Tiến H và bà Hoàng Thị Hương G phải trả nợ cho Công ty C tổng số tiền nợ gốc là **3.239.815.748 đồng** tính đến ngày 31/12/2023. Công ty C không yêu cầu tính lãi, không yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi kể từ ngày 31/12/2023 đến khi vụ án được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật.

*** Bị đơn – Ông Nguyễn Tiến H trình bày:**

Vợ ông là bà Nguyễn Thị Hương G bận công việc nên không đến tham gia phiên tòa.

Ông xác nhận việc ông và vợ là bà Nguyễn Thị Hương G có ký Hợp đồng mua bán hàng hoá với Công ty C và hiện tại còn nợ tiền hàng đối với Công ty C là hoàn toàn đúng. Ông xác nhận đã nhận toàn bộ số hàng hoá theo các đơn hàng mà Công ty C đã nêu và tổng số nợ gốc hiện nay tại Công ty C như người đại diện của Công ty trình bày là hoàn toàn đúng.

Trong quá trình sử dụng cám của Công ty C thì không đạt được kết quả như mong muốn, sau đó thì do bệnh dịch tả lợn Châu Phi nên cả trang trại lợn của ông bị chết, dẫn đến kinh tế của ông khó khăn, không có khả năng trả nợ cho Công ty C. Về những tài liệu để chứng minh về việc này ông không có tài liệu nào để chứng minh. Ông xác nhận đã chấm dứt hợp tác đối với Công ty C từ ngày 31/8/2023.

Ông đề nghị Công ty C xem xét về điều kiện, hoàn cảnh của gia đình ông để miễn giảm bớt số tiền nợ cho ông. Đồng thời ông đề nghị Công ty C tính số tiền chiết khấu theo thỏa thuận để khấu trừ vào số tiền còn nợ của vợ chồng ông.

*** Bị đơn – Bà Hoàng Thị Hương G:**

Vắng mặt tại phiên toà, nên không có lời trình bày tại phiên tòa.

*** Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - HN tham gia phiên tòa:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án:

Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện theo đúng trình tự thủ tục tố tụng qui định, tuy nhiên vẫn còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án cũng đã thực hiện đúng theo trình tự thủ tục tố tụng qui định.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn là chấp hành đúng pháp luật. Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Sau khi phân tích nội dung vụ án và đánh giá toàn bộ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật tố tụng dân sự, Bộ luật dân sự, Nghị quyết 326 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty C về yêu cầu thanh toán khoản tiền nợ gốc theo Hợp đồng mua bán hàng hoá số 243095/HĐ-200122 ngày 20/01/2022.

+ Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty C đối với khoản tiền 107.438.617 đồng theo hóa đơn số 670230 ngày 12/7/2022 và số tiền thuế thu nhập cá nhân là 1.209.470 đồng theo số hóa đơn 673842 ngày 09/8/2022 và số hóa đơn 390602 ngày 09/8/2022.

+ Buộc ông Nguyễn Tiến H và bà Hoàng Thị Hương G phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản tiền nợ cho Công ty C tính đến ngày 31/12/2023 là: 3.239.815.748 đồng.

+ Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty C không yêu cầu tính lãi và không yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi kể từ ngày 31/12/2023 đến khi vụ án được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật.

+ Ông H và bà G phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về thủ tục tố tụng***:

[1.1] Công ty C khởi kiện tranh chấp Hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi thuỷ sản, gia cầm và gia súc với bị đơn là ông Nguyễn Tiến H và bà Hoàng Thị Hương G. Tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng mua bán hàng hoá số 243095/HĐ-200122 ngày 20/01/2022. Bị đơn có địa chỉ tại thôn DN, xã ML, huyện ĐA, Thành phố HN – Nay là: Thôn DN, xã TL, Thành phố HN, nên quan

hệ tranh chấp được xác định là «Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa» về Dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - HN theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Xác định tư cách tham gia tố tụng trong vụ án như sau: Công ty C là người khởi kiện, căn cứ theo khoản 2 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định là nguyên đơn. Ông Nguyễn Tiến H và bà Hoàng Thị Hương G là người bị nguyên đơn khởi kiện, căn cứ theo khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định là bị đơn.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ vào Điều 429 Bộ luật dân sự thì yêu cầu khởi kiện của Công ty C còn trong thời hiệu khởi kiện.

[1.4] Ông Nguyễn Tiến H và bà Hoàng Thị Hương G là bị đơn không có yêu cầu phản tố. Bà Hoàng Thị Hương G đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Nhưng bà Hoàng Thị Hương G vẫn vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do. Do vậy nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là bà Hoàng Thị Hương G là phù hợp qui định của pháp luật.

[2] ***Về nội dung vụ án***:

[2.1] Xét tính hợp pháp của Hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi thuỷ sản, gia cầm và gia súc số 243095/HĐ-200122 ngày 20/01/2022 giữa Công ty C với ông Nguyễn Tiến H và bà Hoàng Thị Hương G:

Hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi thuỷ sản, gia cầm và gia súc số 243095/HĐ-200122 ngày 20/01/2022 là sự thỏa thuận giữa Công ty C với ông Nguyễn Tiến H và bà Hoàng Thị Hương G về việc mua bán cám để chăn nuôi lợn.

Hợp đồng được lập thành văn bản, các bên tham gia ký kết hợp đồng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, được ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp các quy định của pháp luật hiện hành tại thời điểm giao kết hợp đồng. Do vậy có hiệu lực làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên trong Hợp đồng kể từ ngày ký kết.

[2.3] Đối với việc Công ty C xin rút yêu cầu đối với khoản tiền 107.438.617 đồng theo hoá đơn giá trị gia tăng ngày 12/7/2022 và phiếu xuất kho số 670062 ngày 08/7/2022 và số tiền thuế thu nhập cá nhân là 1.209.470 đồng theo số hóa đơn 673842 ngày 09/8/2022 và số hóa đơn 390602 ngày 09/8/2022 là hoàn toàn

tự nguyện và không trái quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu này của Công ty C.

[2.4[Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty C buộc bị đơn là ông H và bà G phải thanh toán tổng số tiền gốc còn nợ tính đến ngày 31/12/2023, theo Hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi thuỷ sản, gia cầm và gia súc số 243095/HĐ-200122 ngày 20/01/2022, theo các phiếu xuất kho và hóa đơn giá trị gia tăng là **3.239.815.748 đồng.**

Đối chiếu với Hợp đồng mua bán nêu trên và các Phiếu xuất kho, các Hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty C thì nguyên đơn đã thực hiện theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng mua bán về số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hóa vận chuyển đến tận nơi giao hàng theo yêu cầu của bị đơn.

Quá trình giải quyết vụ án ông H cũng đã xác nhận việc hai bên ký hợp đồng, giao dịch thực hiện hợp đồng đúng như Công ty C trình bày. Ông H xác nhận đã nhận dầy đủ hàng hoá và còn nợ tiền hàng đối với Công ty C đúng như Công ty C đã trình bày.

Căn cứ vào các hóa đơn giá trị gia tăng, các phiếu xuất kho thể hiện tính đến ngày 31/12/2023 ông H và bà G còn nợ Công ty C tổng số tiền nợ gốc là **3.239.815.748 đồng.**

Do vậy nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là **3.239.815.748 đồng** là hoàn toàn có cơ sở và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Buộc ông H và bà G phải có trách nhiệm thanh toán trả cho Công ty C tổng số tiền nợ gốc tính đến ngày 31/12/2023 là **3.239.815.748 đồng**.

[2.5] Về khoản tiền lãi chậm trả:

Tại Điều 6 của Hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi thuỷ sản, gia cầm và gia súc số 243095/HĐ-200122 ngày 20/01/2022 có quy định về phạt thanh toán chậm trễ. Tuy nhiên theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án Công ty C đều không yêu cầu tính lãi và không yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi kể từ ngày 31/12/2023 đến khi vụ án được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật. Việc Công ty C không yêu cầu tính khoản tiền lãi trên là hoàn toàn tự nguyện và không trái với các quy định của pháp luật, do vậy nên được Hội đồng xét xử ghi nhận sự nguyện này của nguyên đơn.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐA, Thành phố HN tham gia phiên tòa hoàn toàn có căn cứ và phù hợp các qui định của pháp luật.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông H và bà G phải thanh toán tổng số tiền nợ gốc cho Công ty C tính đến ngày 31/12/2023 là **3.239.815.748 đồng** *(Ba tỷ, hai trăm ba mươi chín triệu, tám trăm mười lăm nghìn, bẩy trăm bốn mươi tám đồng)*.

Theo qui định tại điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án, điểm c khoản 1.4 Điều 1 Mục II Danh mục án phí ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Ông H và bà G phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm với mức thu là (72.000.000 đồng + 2% của phần giá trị tranh chấp vượt quá 2.000.000.000 đồng) là **96.796.314 đồng** *(Chín mươi sáu triệu, bẩy trăm chín mươi sáu nghìn, ba trăm mười bốn đồng)*.

Công ty C được hoàn trả số tiền **49.485.000 đồng** *(Bốn mươi chín triệu, bốn trăm tám mươi lăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu ký hiệu BLTU/23 số 0071517 ngày 25/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐA – Nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 7 – HN.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự đều có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Điều 351, Điều 357, Điều 401 của Bộ luật dân sự.
- Điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26; điểm đ khoản 1.4 Điều 1 Mục II Danh mục án phí ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH C Việt Nam đối với ông Nguyễn Tiến H và bà Hoàng Thị Hương G về việc «Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hoá».

2. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH C Việt Nam đối với khoản tiền 107.438.617 đồng *(Một trăm linh bẩy triệu, bốn trăm ba mươi tám nghìn, sáu trăm mười bẩy đồng)* theo hoá đơn giá trị gia tăng ngày 12/7/2022 và phiếu xuất kho số 670062 ngày 08/7/2022 và số tiền thuế thu nhập cá nhân là 1.209.470 đồng *(Một triệu, hai trăm linh chín nghìn, bốn trăm*

bẩy mươi đồng) theo số hóa đơn 673842 ngày 09/8/2022 và số hóa đơn 390602 ngày 09/8/2022.

3. Buộc ông Nguyễn Tiến H và bà Hoàng Thị Hương G phải thanh toán cho Công ty TNHH C Việt Nam tổng số tiền nợ gốc tính đến ngày 31/12/2023 theo Hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi thủy sản, gia cầm và gia súc số 243095/HĐ – 200122 ngày 20/01/2022 là **3.239.815.748 đồng** *(Ba tỷ, hai trăm ba mươi chín triệu, tám trăm mười lăm nghìn, bẩy trăm bốn mươi tám đồng)*.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty TNHH C Việt Nam không yêu cầu tính lãi trên số tiền nợ gốc và không yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi kể từ ngày 31/12/2023 đến khi vụ án được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật.

5. Án phí Dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Tiến H và bà Hoàng Thị Hương G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là **96.796.314 đồng** *(Chín mươi sáu triệu, bẩy trăm chín mươi sáu nghìn, ba trăm mười bốn đồng)*.

Công ty TNHH C Việt Nam được hoàn trả số tiền **49.485.000 đồng** *(Bốn mươi chín triệu, bốn trăm tám mươi lăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu ký hiệu BLTU/23 số 0071517 ngày 25/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐA – Nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 7 – HN.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Công ty TNHH C Việt Nam, ông Nguyễn Tiến H có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Hoàng Thị Hương G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo qui định của pháp luật.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND KV7-HN;*
- *TAND TP. HN;*
- *THA KV7-HN;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Phạm Thị Thu Huyền